

Số: 1399/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 26 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Nâng cấp Kênh K1 khu vực sản xuất xã San Thàng đã ban hành tại Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND thành phố Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND thành phố Lai Châu V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Nâng cấp Kênh K1 khu vực sản xuất xã San Thàng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 838 /TTr-TNMT ngày 22 / 8 /2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh danh sách các hộ được bồi thường, hỗ trợ dự án: Nâng cấp Kênh K1 khu vực sản xuất xã San Thàng đã ban hành kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

- Lý do điều chỉnh: Do sai sót trong quá trình tổng hợp và theo Biên bản phúc tra hồ sơ địa chính phục vụ công tác giải phóng mặt bằng ngày 28/11/2018 của Công ty Cổ phần ứng dụng công nghệ tài nguyên môi trường.

2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND thành phố Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- UBND các phường: Đông Phong, Tân Phong;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Tuấn

ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dự án: Nâng cấp Kênh K1 khu vực sản xuất xã San Thàng

(Kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
A	TỔNG CỘNG				297.983.516
I	Chi trả cho chủ sở hữu				214.737.574
1	Đất	m ²	1.755,5		46.065.400
2	Tài sản				14.249.846
3	Hoa màu				10.523.728
4	Chính sách hỗ trợ				143.898.600
II	Chi phí tổ chức thực hiện				83.245.942
1	Chi phí cho TTPTQĐ				17.179.006
2	Chi phí cho phòng TN&MT				2.147.376
3	Chi phí cho sở Tài nguyên môi trường				858.950
4	Chi phí cho sở Tài chính				858.950
5	Chi phí cho phòng tài chính kế hoạch				429.475
6	Chi phí dự phòng(10% chi phí dự phòng)				2.147.376
7	Chi phí đo đạc địa chính				38.732.809
8	Chi phí định giá đất				20.892.000
B	CHI TIẾT CHO CÁC HỘ DÂN				214.737.574
1	Họ và tên: Nguyễn Văn Kiêm				
	Địa chỉ thường trú: Bản Sáo Xin Chải, xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				52.116.201
a	Về đất				8.944.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	344,0		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	344,0	26.000	8.944.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất số BM089356 ngày 12/11/2013. Một phần diện tích nhận tặng cho từ bố Nguyễn Văn Khả năm 1998 không có giấy tờ. Đất ông Khả khai hoang năm 1990				
b	Về tài sản, vật kiến trúc				12.828.041
1	Kè đá xây (37*1,7*0,35)	m ²	22	392.700	8.645.291
2	Hào đào thủ công (39,0*1,3*1,0)	m ²	51	82.500	4.182.750
c	Về cây trồng, vật nuôi				3.512.160
1	Cây chuối chưa có buồng cao trên 1,2m	cây	33	24.000	792.000
2	Cây chuối chưa có buồng cao dưới 1,2m	cây	25	18.000	450.000
3	8 Cây chuối có buồng (20 kg/buồng)	kg	160	6.000	960.000
4	Cây cỏ voi	m ²	92	4.800	440.160
5	Cây lấy gỗ trồng từ 2 đến 5 năm	cây	2	24.000	48.000
6	Cây ăn quả trồng hạt NT1 (cây bưởi)	cây	14	42.000	588.000
7	Cây chuối chưa có buồng cao dưới 1,2m	cây	13,0	18.000	234.000
d	Về chính sách hỗ trợ				26.832.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác).	m ²	344,0	78.000	26.832.000
2	Họ và tên: Hà Văn Quang				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 15 phường Tân Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				1.607.200
a	Về đất				364.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	14,0		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	14,0	26.000	364.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX792460 ngày 08/06/2017				
b	Về cây trồng, vật nuôi				151.200



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Cây cỏ voi	m ²	14,0	4.800	67.200
2	Cây ăn quả trồng hạt NT1 (cây bưởi)	cây	2	42.000	84.000
c	Về chính sách hỗ trợ				1.092.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác).	m ²	14,0	78.000	1.092.000
3	Họ và tên: Liêng A Qua				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chải 1, P. Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				29.843.840
a	Về đất				7.131.800
1	Diện tích thu hồi		274,3		
2	Loại đất:				
	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	274,3	26.000	7.131.800
3	Vị trí: vị trí 1				
4	Nguồn gốc: Gia đình khai hoang sử dụng từ năm 1994 không có giấy tờ				
b	Về cây trồng, vật nuôi				1.316.640
1	Cây cỏ voi	m ²	274,3	4.800	1.316.640
c	Về chính sách hỗ trợ				21.395.400
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác).	m ²	274,3	78.000	21.395.400
4	Họ và tên: Lù Văn Hèn				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chải 1, P. Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				14.800.400
a	Về đất				3.473.600
1	Diện tích thu hồi	m ²	133,6		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	133,6	26.000	3.473.600
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ227654 và BQ227655 cấp ngày 22/12/2016. Phần diện tích ngoài GCN do ông Hèn khai hoang năm 1983 (không có giấy tờ) chưa kê khai hết trong quá trình cấp GCN QSD đất				
b	Về cây trồng, vật nuôi				906.000
1	Cây chuối chưa buồng cao dưới 1,2m	cây	5	18.000	90.000
2	Cây chuối chưa buồng cao trên 1,2m	cây	8	24.000	192.000
3	Cây lấy gỗ D= 5-10 cm (cây xoan)	cây	2	30.000	60.000
4	Cây lấy gỗ trồng từ 2 đến 5 năm (cây lấy gỗ <5 cm)	Cây	1	24.000	24.000
5	Cây lấy gỗ D= 10-25 cm	cây	2	42.000	84.000
6	Cây cỏ voi	m ²	5	4.800	24.000
7	Cây tre trồng dọc theo tuyến	khóm	25	14.400	360.000
8	Hàng rào cây sống (cây gừng)	m ²	10	7.200	72.000
c	Về chính sách hỗ trợ				10.420.800
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác).	m ²	133,6	78.000	10.420.800
5	Họ và tên: Lê Thị Vui				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chải 1, P. Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				7.292.920
a	Về đất				1.566.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	58,0		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	58,0	27.000	1.566.000
	Vị trí: vị trí 1				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
	Nguồn gốc: được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC467212 cấp ngày 13/12/2012, Phần diện tích đất đang chồng lấn lên các thửa đất số 355, 249 TĐĐ 100 là do gia đình khai hoang từ năm 1990 chưa kê khai hết trong quá trình cấp GCN QSD đất				
b	Về cây trồng, vật nuôi				245.920
1	Sản lượng lúa 5,3 tấn/ha/năm*58,0m ²	kg	30,7	8.000	245.920
c	Về chính sách hỗ trợ				5.481.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất trồng lúa 1 vụ).	m ²	58,0	94.500	5.481.000
6	Họ và tên: Nguyễn Văn Lợi				
	Địa chỉ thường trú: Bản Sáo Sin chãi, xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b)				540.800
a	Về đất				135.200
1	Diện tích thu hồi	m ²	5,2		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	5,2	26.000	135.200
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Nhận tặng cho QSD đất của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Tin năm 2002 không có giấy tờ. Đất bà Tin khai hoang từ năm 1990. Phần chồng lấn lên đất do UBND xã quản lý là do sai số giữa các lần đo đạc				
b	Về chính sách hỗ trợ				405.600
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác).	m ²	5,2	78.000	405.600
7	Họ và tên: Hằng A Kỳ				
	Địa chỉ thường trú: Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				21.142.398
a	Về đất				4.789.700
1	Diện tích thu hồi	m ²	182,0		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	124,3	26.000	3.231.800
2.2	Đất lúa nước 1 vụ	m ²	57,7	27.000	1.557.900
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM089511. Một phần đất còn lại được gia đình khai hoang trước năm 1993 chưa kê khai hết trong quá trình cấp GCN QSD đất				
b	Về cây trồng, vật nuôi				1.204.648
1	Rau màu gối vụ	m ²	100,0	9.600	960.000
2	Sản lượng lúa 5,3 tấn/ha/năm*57,7m ²	kg	30,6	8.000	244.648
c	Về chính sách hỗ trợ				15.148.050
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất lúa nước 1 vụ).	m ²	57,7	94.500	5.452.650
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác).	m ²	124,3	78.000	9.695.400
8	Họ và tên: Lò Văn Quyết				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chãi 1, P. Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				17.550.858
a	Về đất				4.215.300

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Diện tích thu hồi	m ²	161,1		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	134,4	26.000	3.494.400
2.2	Đất lúa nước 1 vụ	m ²	26,7	27.000	720.900
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC467196 cấp ngày 13/12/2012. Phần diện tích đất ngoài GCN đang chồng lấn lên các hộ xung quanh và đất UBND xã quản lý do nhận tặng cho từ bố Lò Văn Lín năm 2003. Đất ông Lín khai hoang từ năm 1992 (không có giấy tờ) chưa kê khai hết trong quá trình cấp GCN QSD đất.				
b	Về cây trồng, vật nuôi				329.208
1	Cây lấy gỗ D= 5-10 cm (cây xoan)	cây	2,0	30.000	60.000
2	Cây chuối cao dưới 1.2m	cây	2,0	18.000	36.000
3	1 cây chuối đã cho buồng (20kg/buồng)	kg	20,0	6.000	120.000
4	Sản lượng lúa 5,3 tấn/ha/năm*26,7m ²	kg	14,2	8.000	113.208
c	Về chính sách hỗ trợ				13.006.350
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất lúa nước 1 vụ).	m ²	26,7	94.500	2.523.150
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác).	m ²	134,4	78.000	10.483.200
9	Họ và tên: Vàng A Văng				
	Địa chỉ thường trú: Bản Phan Chu Hoa, Xã Nùng Nàng, h. Tam Đường				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				16.668.202
a	Về đất				3.437.100
1	Diện tích thu hồi	m ²	127,3		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng lúa nước 1 vụ	m ²	127,3	27.000	3.437.100
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM089734 và BM089735 cấp ngày 26/12/2013. Phần diện tích ngoài GCN là do gia đình ông Vàng khai hoang năm 1990 (không có giấy tờ) chưa kê khai hết trong quá trình cấp GCN QSD đất				
b	Về tài sản, vật kiến trúc				577.500
1	Kè bằng bao đất (35*0,5*0,4) (tính bằng đào đắp đất bằng thủ công)	m ³	7,0	82.500	577.500
c	Về cây trồng, vật nuôi				623.752
1	Cây ăn quả trồng hạt NT1 (cây ôi)	cây	2,0	42.000	84.000
2	Sản lượng lúa 5,3 tấn/ha/năm*127,3m ²	kg	67,5	8.000	539.752
d	Về chính sách hỗ trợ				12.029.850
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất lúa 1 vụ).	m ²	127,3	94.500	12.029.850
10	Họ và tên: Vàng Văn Ngậy				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chải 1, P. Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				13.354.980
a	Về đất				2.782.900
1	Diện tích thu hồi	m ²	104,5		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	38,6	26.000,0	1.003.600
2,2	Đất trồng lúa nước 1 vụ	m ²	65,9	27.000,0	1.779.300
	Vị trí: vị trí 1				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
	Nguồn gốc: được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM034612 cấp ngày 17/07/2013. Phần DT ngoài GCN nhận tặng cho QSD đất của mẹ là bà Lê Thị Vui năm 1995, đất bà Vui khai hoang năm 1990.				
<i>b</i>	<i>Về tài sản, vật kiến trúc</i>				99.330
1	Kè đá xếp khan (2,0*1,0*0,35)	m ³	0,7	141900	99.330
<i>c</i>	<i>Về cây trồng, vật nuôi</i>				1.234.400
1	Cây đào R=1-2m	cây	1,0	360.000	360.000
2	Cây cỏ voi	m ²	10,0	4.800	48.000
3	Cây chuối cao dưới 1.2m	cây	2,0	18.000	36.000
4	Cây chuối cao trên 1.2m	cây	2,0	24.000	48.000
5	Cây tre mới trồng dưới 1 năm	khóm	3,0	14.400	43.200
6	1 Cây lấy gỗ D=30cm, H=7m	m ³	0,49455	480.000	237.384
7	Cây đu đủ chưa cho thu hoạch	cây	1,0	43.200	43.200
8	1 Cây chuối có buồng (20kg/buồng)	kg	20,0	6.000	120.000
9	Rau màu gói vụ	m ²	2,0	9.600	19.200
10	Sản lượng lúa 5,3 tấn/ha/năm*65,9m ²	kg	34,9	8.000	279.416
<i>d</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				9.238.350
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác).	m ²	38,6	78.000	3.010.800
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất lúa nước 1 vụ).	m ²	65,9	94.500	6.227.550
11	Họ và tên: Lù Văn Quan				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chải 1, P. Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				36.259.825
<i>a</i>	<i>Về đất</i>				8.434.700
1	Diện tích thu hồi	m ²	322,2		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	m ²	264,7	26.000	6.882.200
2.2	Đất trồng lúa nước 1 vụ	m ²	57,5	27.000	1.552.500
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC321479 và BC321480 ngày 04/01/2012. Phần diện tích ngoài GCN nhận tặng cho QSD đất của bố đẻ là ông Lù Văn Máu năm 2000. Đất ông Máu khai hoang năm 1990 (không có giấy tờ) chưa kê khai hết trong quá trình cấp GCN QSD đất				
<i>b</i>	<i>Về tài sản, vật kiến trúc</i>				744.975
1	Kè đá xếp khan (17,5*1,0*0,3)	m ³	5,3	141900	744.975
<i>c</i>	<i>Về cây trồng, vật nuôi</i>				999.800
1	Cây lấy gỗ trồng từ 2 đến 5 năm (cây xoan)	cây	12,0	24.000	288.000
2	Cây cỏ voi	m ²	15,0	4.800	72.000
3	Cây chuối cao dưới 1.2m	cây	2,0	18.000	36.000
4	Cây chuối cao trên 1.2m	cây	10,0	24.000	240.000
5	Sản lượng lúa 5,3 tấn/ha/năm*57,5m ²	kg	30,5	8.000	243.800
6	Cây chuối có buồng	kg	20,0	6.000	120.000
<i>d</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				26.080.350
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác).	m ²	264,7	78.000	20.646.600
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất lúa nước 1 vụ).	m ²	57,5	94.500	5.433.750

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
12	Họ và tên: Lù Văn Đức				
	Địa chỉ thường trú: Bản Tả Xin Chải 1, P. Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b)				3.559.950
<i>a</i>	<i>Về đất</i>				<i>791.100</i>
1	Diện tích thu hồi	m ²	29,3		
2	Loại đất:				
2,1	Đất trồng lúa nước 1 vụ	m ²	29,3	27.000	791.100
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Nhận tặng cho QSD đất nông nghiệp của bố đẻ là ông Lù Văn Ngẩn năm 2006. Đất ông Ngẩn khai hoang từ năm 1990 (không có giấy tờ)				
<i>b</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				<i>2.768.850</i>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất lúa nước 1 vụ).	m ²	29,3	94.500	2.768.850